

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái là một Doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5200345716 ngày 31/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 5200345716 ngày 31/03/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 5200345716 ngày 05/07/2016.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Ông Trần Kim Trọng
- Ông Mai Văn Khả
- Ông Hà Minh Đức

Chức vụ:

- Chủ tịch HĐQT
- Ủy viên
- Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Ông Mai Văn Khả
- Ông Hà Minh Đức

Chức vụ:

- Giám đốc
- Phó giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Ông Phạm Văn Hòa
- Bà Bùi Thu Thảo
- Ông Lê Xuân Thủy

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Ủy viên
- Ủy viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Yên Bái, ngày 26 tháng 02 năm 2018

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Mai Văn Khả

Số: 06/2018/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 30 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản công nợ quá hạn với số tiền là 1.637.313.467 đồng, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi để trích lập dự phòng khoản phải thu trên.

Công ty chưa đánh giá mức độ tổn thất hàng tồn kho do giá hồ tiêu hiện nay trên thị trường đang giảm để trích lập dự phòng. Giá trị tồn kho hồ tiêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9.005.000.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 10/02/2017.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Handwritten signature

Trần Hồng Giang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3893-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.129.059.934	17.095.348.592
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	56.731.473	2.005.594.276
Tiền	111		56.731.473	695.594.276
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.310.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.130.000.000	6.670.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.130.000.000	6.670.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.381.407.137	2.925.218.462
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	1.400.294.600	904.812.500
Các khoản phải thu khác	136	5.4	2.981.112.537	2.020.405.962
Hàng tồn kho	140	5.5	20.477.627.652	5.448.846.033
Hàng tồn kho	141		20.477.627.652	5.448.846.033
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.293.672	45.689.821
Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.068.867	11.922.787
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.8	31.224.805	33.767.034
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.181.448.955	3.563.417.498
Tài sản cố định	220		3.181.448.955	3.563.417.498
TSCĐ hữu hình	221	5.6	2.634.235.497	3.002.172.928
- Nguyên giá	222		7.312.617.417	7.312.617.417
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(4.678.381.920)	(4.310.444.489)
TSCĐ vô hình	227	5.7	547.213.458	561.244.570
- Nguyên giá	228		589.306.800	589.306.800
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(42.093.342)	(28.062.230)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.310.508.889	20.658.766.090

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		27.836.995.292	15.190.705.976
Nợ ngắn hạn	310		27.836.995.292	15.190.705.976
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	1.729.243.500
Người mua trả tiền trước	312		-	50.000.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	-	1.182.164
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	127.231.681	28.617.500
Doanh thu chưa thực hiện	318		-	20.000.000
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	5.244.603.611	6.800.484.812
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	22.465.160.000	6.561.178.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.473.513.597	5.468.060.114
Vốn chủ sở hữu	410	5.12	5.473.513.597	5.468.060.114
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.403.300.000	5.403.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.403.300.000	5.403.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		13.978.600	13.978.600
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.800.352	21.800.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.434.645	28.981.162
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.981.162	(205.664.287)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.453.483	234.645.449
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.310.508.889	20.658.766.090

Yên Bái, ngày 26 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Bùi Thu Thảo



Vũ Thị Thu Hằng



Mai Văn Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	85.197.391.126	125.905.322.444
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10		85.197.391.126	125.905.322.444
Giá vốn hàng bán	11	6.2	80.012.653.421	119.998.851.263
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.184.737.705	5.906.471.181
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	189.829.752	183.955.062
Chi phí tài chính	22	6.4	2.223.576.395	1.955.626.666
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.223.576.395	1.955.626.666
Chi phí bán hàng	24	6.5	2.440.432.259	2.919.061.645
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	762.287.211	977.530.649
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(51.728.408)	238.207.283
Thu nhập khác	31	6.6	64.439.555	2.000
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		64.439.555	2.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.711.147	238.209.283
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.542.229	47.641.857
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		10.168.918	190.567.426
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	18,82	340

Yên Bái, ngày 26 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG





Bùi Thu Thảo

Vũ Thị Thu Hằng

Mai Văn Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.711.147	238.209.283
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	381.968.044	403.952.999
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(189.829.752)	(183.955.062)
Chi phí lãi vay	06	2.223.576.395	1.955.626.666
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.428.425.834	2.413.833.886
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.493.792.526)	1.024.863.947
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(15.028.781.619)	3.950.562.400
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(3.392.181.530)	1.327.213.419
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	-	59.069.804
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.096.344.714)	(2.486.205.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(54.585.315)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.582.674.555)	6.228.752.975
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	-	(453.636.364)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.060.000.000)	(6.670.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.600.000.000	6.890.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	189.829.752	183.955.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.729.829.752	(49.681.302)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	118.127.690.100	84.151.442.200
Tiền trả nợ gốc vay	34	(102.223.708.100)	(88.812.994.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.903.982.000	(4.661.552.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(1.948.862.803)	1.517.519.673
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.005.594.276	488.074.603
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	56.731.473	2.005.594.276

Yên Bái, ngày 26 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Thu Thảo



Vũ Thị Thu Hằng



Mai Văn Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái là một Doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5200345716 ngày 31/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 5200345716 ngày 31/03/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 5200345716 ngày 05/07/2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán buôn, bán lẻ xuất nhập khẩu các mặt hàng lương thực, thực phẩm, kinh doanh rượu, bia, nước đóng chai.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 17 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất	42 năm
---------------------	--------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa thường xuyên và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.6 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.7 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, trả chậm lãi,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.9 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5200345716 điều chỉnh lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/07/2016 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	4.463.300.000	4.463.300.000	100%
Các cổ đông khác	940.000.000	940.000.000	100%

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay).

4.10 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.11 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá nông sản không chịu thuế (Gạo, ngô, sắn...), hàng hóa khác, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Tiền mặt (i)	12.734.518	523.955.078
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	43.996.955	171.639.198
- Các khoản tương đương tiền	-	1.310.000.000
Cộng	56.731.473	2.005.594.276

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2017 bao gồm

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		12.734.518
Cộng		12.734.518

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		43.996.955
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>		37.491.368
<i>Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam</i>		2.444.201
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>		4.061.386
		43.996.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.060.000.000	5.060.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
- Đầu tư khác (**)	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	5.130.000.000	5.130.000.000	6.670.000.000	6.670.000.000

(*) : Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái với lãi suất 6,0% năm.

(**): Khoản tiền góp vào quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.400.294.600	904.812.500
Ủy ban Nhân dân xã Nậm Khắt	587.234.000	403.560.000
Cục Hậu Cần - QK II	381.620.000	261.000.000
Phòng Hậu Cần - Sư đoàn 316	422.092.000	74.653.900
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.348.600	165.598.600
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.400.294.600	904.812.500

5.4. Phải thu khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.981.112.537	-	2.020.405.962	-
Tạm ứng	1.336.700.000	-	188.000.000	-
UBND Tỉnh Yên Bái - Trợ cước vận chuyển	1.437.455.009	-	1.437.455.009	-
Công ty Cổ phần Lương thực Lào Cai	199.858.458	-	199.858.458	-
Trạm kinh doanh lương thực Lục Yên	-	-	195.092.495	-
Phải thu khác	7.099.070	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.981.112.537	-	2.020.405.962	-

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	57.340.041	-	57.340.041	-
Hàng hóa	20.420.287.611	-	5.391.505.992	-
Cộng	20.477.627.652	-	5.448.846.033	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6. Táng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	5.317.173.545	1.439.988.437	525.024.545	30.430.890	7.312.617.417
Số dư cuối năm	5.317.173.545	1.439.988.437	525.024.545	30.430.890	7.312.617.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	2.723.945.689	1.083.546.318	472.522.091	30.430.890	4.310.444.489
- Khấu hao trong năm	213.714.065	101.720.413	52.502.454	-	367.936.932
Số dư cuối năm	2.937.659.754	1.185.266.731	525.024.545	30.430.890	4.678.381.920
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu năm	2.593.227.856	356.442.119	52.502.454	-	3.002.172.928
- Tại ngày cuối năm	2.379.513.791	254.721.706	-	-	2.634.235.497

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.613.560.894 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7. Tài sản vô hình

Khoản mục

NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu năm

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ HAO MÒN

Số dư đầu năm

- Khấu hao trong năm

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

- Tại ngày đầu năm

- Tại ngày cuối năm

Quyền sử dụng đất (VND)	Tổng cộng (VND)
589.306.800	589.306.800
589.306.800	589.306.800
28.062.230	28.062.230
14.031.112	14.031.112
42.093.342	42.093.342
561.244.570	561.244.570
547.213.458	547.213.458

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017 (VND)
a) Phải nộp	1.182.164	1.112.135.809	1.113.317.973	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.182.164	955.816.302	956.998.466	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.522.785	12.522.785	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	139.796.722	139.796.722	-
Cộng	1.182.164	1.112.135.809	1.113.317.973	-
b) Phải thu	33.767.034	2.542.229	-	31.224.805
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.767.034	2.542.229	-	31.224.805
Cộng	33.767.034	2.542.229	-	31.224.805

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9. Chi phí phải trả

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	127.231.681	28.617.500
Lãi vay	127.231.681	28.617.500
b) Dài hạn	-	-
Cộng	127.231.681	28.617.500

5.10. Phải trả khác

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	5.244.603.611	6.800.484.812
Kinh phí công đoàn	3.957.056	20.096.629
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	5.060.000.000	6.600.000.000
Cổ tức phải trả	172.434.522	172.434.522
Phải trả khác	8.212.033	7.953.661
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.244.603.611	6.800.484.812

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Gốc vay Ngắn hạn						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (i)	60.000.000	60.000.000	50.859.944.000	44.146.630.000	6.773.314.000	6.773.314.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (ii)	1.700.000.000	1.700.000.000	42.023.083.600	30.649.131.600	13.073.952.000	13.073.952.000
Vay cá nhân	4.801.178.000	4.801.178.000	25.244.662.500	27.427.946.500	2.617.894.000	2.617.894.000
b. Gốc vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.561.178.000	6.561.178.000	118.127.690.100	102.223.708.100	22.465.160.000	22.465.160.000

	01/01/2017 (VND)		31/12/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC				
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC				
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	6.561.178.000	6.561.178.000	22.465.160.000	22.465.160.000
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	-	-	-	-

(i): Khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 11/2017/HĐTDHM/NHCT ngày 23 tháng 05 năm 2017, hạn mức 35 tỷ đồng, thời hạn từ 12 tháng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(ii): Khoản vay tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐTDHM/NHCT 170 - LTYB ngày 23 tháng 06 năm 2017, hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn từ ngày 23 tháng 06 năm 2017 đến ngày 31 tháng 05 năm 2018, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư đầu năm trước	5.711.300.000	-	21.800.352	(205.664.287)	5.527.436.065
Tăng/Giảm vốn trong năm trước	(308.000.000)	13.978.600	-	-	(294.021.400)
Tăng khác	-	-	-	45.710.319	45.710.319
Lãi trong năm trước	-	-	-	190.567.426	190.567.426
Trích lập quỹ	-	-	-	(1.632.296)	(1.632.296)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	5.403.300.000	13.978.600	21.800.352	28.981.162	5.468.060.114
Lãi trong năm	-	-	-	10.168.918	10.168.918
Giảm khác	-	-	-	(4.715.435)	(4.715.435)
Số dư cuối năm nay	5.403.300.000	13.978.600	21.800.352	34.434.645	5.473.513.597

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Vốn góp của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	4.463.300.000	4.463.300.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	940.000.000	940.000.000
Cộng	5.403.300.000	5.403.300.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	5.403.300.000	5.711.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	308.000.000
+ Vốn góp cuối năm	5.403.300.000	5.403.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	540.330	540.330
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	540.330	540.330
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	540.330	540.330
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	540.330	540.330
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	540.330	540.330
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.197.391.126	125.905.322.444
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.197.391.126	125.905.322.444
Cộng	85.197.391.126	125.905.322.444

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ	80.012.653.421	119.998.851.263
Cộng	80.012.653.421	119.998.851.263

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	189.829.752	183.955.062
Cộng	189.829.752	183.955.062

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Lãi tiền vay	2.223.576.395	1.955.626.666
Cộng	2.223.576.395	1.955.626.666

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	762.287.211	977.530.649
+ Chi phí tiền lương	189.670.859	229.616.582
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.838.530	519.438.535
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	213.777.822	228.475.532
Chi phí bán hàng	2.440.432.259	2.919.061.645
+ Chi phí nhân viên quản lý	758.683.437	1.006.803.144
+ Chi phí thuê kho, bốc xếp, vận chuyển	1.005.710.970	1.363.909.303
+ Chi phí khấu hao	295.694.460	286.976.433
+ Chi phí khác bằng tiền	380.343.392	261.372.765

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Cho thuê kho bãi	64.439.555	2.000
Cộng	64.439.555	2.000

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.711.147	238.209.283
- Tổng thu nhập chịu thuế	12.711.147	238.209.283
- Thu nhập tính thuế	12.711.147	238.209.283
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.542.229	47.641.857
Cộng	2.542.229	47.641.857

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	10.168.918	190.567.426
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	10.168.918	190.567.426
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	540.330	555.182
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18,82	340

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.932.090.807	121.245.784.000
- Chi phí nhân công	948.354.296	1.236.419.726
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.968.044	403.952.999
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.838.530	519.438.535
- Chi phí khác bằng tiền	594.121.214	489.848.297
Cộng	83.215.372.891	123.895.443.557

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán gạo, sắn, hoạt động kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu). Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.2 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các Quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Việt Nam	Công ty mẹ
Chi nhánh Tây Bắc – TCT Lương thực Miền Bắc	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phân phối Bán lẻ VNF1	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần lương thực Đông Bắc	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần lương thực Cao Lạng tại Đồng Tháp	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Chi nhánh chế biến và xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - TCT lương thực Miền Bắc	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	Bán hàng	11.180.662.500
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	4.050.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần lương thực Cao Lạng tại Đồng Tháp	Trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	11.782.355.000
Chi nhánh Tây Bắc – TCT Lương thực Miền Bắc	Trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	4.828.800.000
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	18.253.207.500
Công ty Cổ phần lương thực Đồng Bắc	Trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	6.980.000.000
Chi nhánh Tây Bắc – TCT Lương thực Miền Bắc	Trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	4.080.000.000
Chi nhánh chế biến và xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - TCT lương thực Miền Bắc	Trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	3.650.000.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Số tiền VND
Các khoản phải trả		5.060.000.000
Tổng Công ty lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	5.060.000.000

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc/Hội đồng quản trị:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016
Lương và thưởng	268.983.955	268.272.000

7.3 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC YÊN BÁI

Số 148, đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Yên Bái, ngày 26 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thu Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Thu Hằng

GIÁM ĐỐC



Mai Văn Khả

CHỨNG THỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
SCT...186...Quyển số...SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Thành